

Điều 7. — Mỗi lần thăng hoặc giáng cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan chỉ được thăng hoặc giáng một bậc. Trong những trường hợp đặc biệt có thể thăng hoặc giáng nhiều bậc.

Việc thăng hoặc giáng nhiều bậc đối với cấp bậc từ thượng tá trở lên theo như quy định đối với các cấp bậc tương đương trong Quân đội nhân dân.

Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thăng nhiều bậc lên các cấp bậc từ thiếu úy đến trung tá và giáng nhiều bậc đối với các cấp bậc từ thiếu úy đến trung tá.

Quyền thăng nhiều bậc lên các cấp bậc từ trung sĩ đến chuẩn úy và giáng nhiều bậc đối với các cấp bậc từ trung sĩ đến chuẩn úy do Hội đồng Chính phủ quy định.

Điều 8. — Những sĩ quan và hạ sĩ quan nào bị giáng cấp bậc, thì niên hạn để xét thăng cấp bậc mới sẽ tính từ ngày bị giáng cấp bậc.

Những sĩ quan và hạ sĩ quan bị giáng cấp bậc về sau đã sửa chữa sai lầm, biểu hiện tiến bộ, hoặc có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong công tác thì có thể xét thăng cấp bậc trước khi đủ niên hạn.

Điều 9. — Những sĩ quan và hạ sĩ quan phạm pháp bị Tòa án xử phạt tù thì bị tước cấp bậc.

Điều 10. — Trong trường hợp một sĩ quan hoặc một hạ sĩ quan giữ chức vụ phụ thuộc vào một sĩ quan hoặc một hạ sĩ quan có cấp bậc ngang với mình hoặc thấp hơn mình, thì trong khi thi hành nhiệm vụ, người giữ chức vụ phụ thuộc phải phục tùng người giữ chức vụ chính.

Điều 11. — Hội đồng Chính phủ quy định cấp hiệu, phù hiệu, phù hiệu có kết hợp cấp hiệu, số hiệu và lễ phục của sĩ quan và hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân.

Pháp lệnh này đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 16 tháng 7 năm 1962.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

HOÀNG VĂN HOAN

PHỦ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 1861-KT ngày 21-7-1962 về việc giải thích điều lệ tạm thời quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế ban hành do nghị định số 29-CP ngày 23-2-1962.

*Căn cứ vào nghị định số 29-CP ngày 23-2-1962 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời

quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế, Hội đồng trọng tài trung ương giải thích và quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các điều khoản đã ghi trong điều lệ.

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA VIỆC BAN HÀNH ĐIỀU LỆ

Bản điều lệ này được ban hành nhằm mục đích :

— Củng cố chế độ hợp đồng kinh tế, tăng cường ý thức tổ chức và kỷ luật, nâng cao công tác hợp đồng lên một bước, đưa việc ký kết và thực hiện hợp đồng đi dần vào nề nếp.

— Thông qua chế độ hợp đồng kinh tế mà đề cao và quy định rõ trách nhiệm của tập thể, của cá nhân trong việc hoàn thành kế hoạch, tăng cường trách nhiệm của từng xí nghiệp, cơ quan trước Nhà nước, đồng thời cũng đề cao trách nhiệm chung trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng đã ký kết.

— Bảo đảm lợi ích vật chất của hai bên cùng ký kết nhằm tăng cường và củng cố chế độ hạch toán kinh tế trong các xí nghiệp và cơ quan Nhà nước.

Bản điều lệ xử lý được ban hành chứng tỏ nền kinh tế nước ta đang trên đà tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, công tác kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân ngày càng trưởng thành, và việc thi hành chế độ hợp đồng kinh tế đòi hỏi phải được tăng cường và củng cố kịp thời. Bản điều lệ tạm thời này là một biện pháp quan trọng để chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Nó là một công cụ để đấu tranh có tác dụng giáo dục tinh thần kỷ luật hợp đồng và pháp lệnh của kế hoạch.

II. TRÁCH NHIỆM KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

I. Trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển có kế hoạch, nhịp nhàng và cân đối, giữa các ngành, các cấp thường xuyên phải có mối quan hệ chặt chẽ. Nếu một xí nghiệp, cơ quan không làm tròn nhiệm vụ của mình sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của các xí nghiệp, cơ quan khác, làm khó khăn cho việc hoàn thành kế hoạch kinh tế quốc dân. Do đó, chúng ta cần xác định trách nhiệm ký kết cũng như trách nhiệm thực hiện hợp đồng đã ký kết. Việc ký kết phải theo đúng chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, không được ký dưới chỉ tiêu đã ban hành và phải bảo đảm ký đúng thời gian đã quy định. Các bản hợp đồng phải được hợp lệ, không vi phạm thể lệ đã ban hành.

Việc thực hiện hợp đồng đã ký kết phải hết sức nghiêm chỉnh và cả hai bên phải có ý thức tự giác về nghĩa vụ giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau thi hành được đầy đủ và có kết quả tốt.

Vi vậy, bất cứ một ngành, một đơn vị nào, nếu từ chối ký kết, ký kết không đúng thời gian quy định, ký kết dưới chỉ tiêu kế hoạch, tự ý hủy bỏ,

điều chỉnh hợp đồng, thực hiện không đầy đủ các điều khoản đã ký kết, đều coi là vi phạm kỷ luật của chế độ hợp đồng kinh tế.

2. Thời gian hoàn thành ký kết.

Sau khi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm hoặc dài hạn đã được Hội đồng Chính phủ thông qua, các xí nghiệp, cơ quan Nhà nước kể cả Quân đội phải tiến hành ký kết ngay các loại hợp đồng (30 ngày tối đa đối với các loại hợp đồng nguyên tắc, 60 ngày và chậm nhất không quá 90 ngày đối với hợp đồng cụ thể toàn năm). Thời gian này kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ gửi kế hoạch cho các Bộ, Tổng cục và các địa phương.

Ký kết hợp đồng theo thời gian quy định là hết sức cần thiết và quan trọng. Nếu ký chậm sẽ làm cho tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, xây dựng, kinh doanh của các xí nghiệp, cơ quan không ổn định, gây ra lãng phí về nhân, tài, vật lực và hạn chế sự phấn khởi tích cực của quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch.

Sau khi ký xong hợp đồng nguyên tắc, các Bộ, Tổng cục, các Ủy ban hành chính địa phương có trách nhiệm hướng dẫn các cơ sở ký kết hợp đồng cụ thể toàn năm, hàng tháng, hàng quý chỉ cần ký phụ lục đính theo nếu có sự gì thay đổi. Các hợp đồng tạm thời quý, tháng đã ký kết trước coi như hủy bỏ.

3. Từ chối ký kết.

Ký kết hợp đồng kinh tế là một kỷ luật bắt buộc. Khi một bên đề nghị đã trực tiếp thương lượng, hoặc gửi cho bên kia một bản dự thảo hợp đồng để chuẩn bị ký kết mà bên nhận được đã chính thức trả lời không ký, hoặc đưa ra những điều kiện không chính đáng để lảng tránh, trì hoãn việc ký kết, hoặc để quá hạn ký kết, mà vẫn im lặng không trả lời, thì bên nhận đề nghị bị coi là từ chối ký kết. Tuy nhiên, bên đề nghị phải cố gắng làm hết khả năng chủ quan của mình thương lượng với bên kia trên tinh thần «khó về ta, dễ về bạn». Chỉ sau khi các cấp lãnh đạo của đôi bên đã trực tiếp gặp gỡ nhau giải quyết các mắc mứu mà không đạt kết quả, thì bên bị từ chối mới khiếu nại đến Hội đồng trọng tài. Hội đồng trọng tài sẽ căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch và tình hình thực tế của hai bên để giúp đỡ hai bên tiến hành ký kết. Nếu hai bên vẫn không thỏa thuận ký kết, Hội đồng trọng tài sẽ quyết định nội dung để hai bên phải ký kết.

4. Đối tượng xử lý.

Đối tượng xử lý của Hội đồng trọng tài là các xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan Nhà nước kể cả Quân đội và các tổ chức công tư hợp doanh đã thực hiện chế độ hạch toán kinh tế. Còn các tổ chức hợp tác xã vì chưa nằm trong diện ký kết hợp đồng kinh tế, nên những vụ vi phạm hợp đồng giữa các hợp tác xã với nhau sẽ do Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh giải quyết. Nếu vụ vi phạm hợp đồng xảy ra giữa một hợp tác xã và một

cơ quan, xí nghiệp quốc doanh, thì cũng do Ủy ban hành chính địa phương giải quyết sau khi trao đổi ý kiến với Hội đồng trọng tài cùng cấp.

Điều 5 của bản điều lệ xử lý đã nêu cụ thể những điều kiện của một hợp đồng hợp lệ. Trường hợp một hợp đồng không hợp lệ được đưa ra khiếu nại thì Hội đồng trọng tài vẫn xét xử nhằm bảo vệ lợi ích Nhà nước và đề cao việc triệt để thi hành các luật lệ đã ban hành. Sau khi đã xử lý xong về vi phạm hợp đồng, Hội đồng trọng tài sẽ áp dụng các biện pháp hành chính đối với hai bên đã ký bản hợp đồng không hợp lệ đó.

5. Các trường hợp được miễn trách nhiệm.

Cần quy định những trường hợp được miễn trách nhiệm nhằm mục đích thúc đẩy hai bên ký kết, phát huy tính tích cực và sáng tạo, khắc phục khó khăn, để hoàn thành tốt hợp đồng, và làm cho Hội đồng trọng tài các cấp phải hết sức khách quan, thực sự cầu thị, tìm ra nguyên nhân vi phạm hợp đồng, hạn chế các thiệt hại xảy ra nhằm xử lý cho thích đáng.

Bên vi phạm hợp đồng có thể được miễn hoặc giảm trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Có chỉ thị bằng văn bản của cơ quan cấp trên của mình, sau khi đã thỏa thuận với cơ quan chủ quản của bên cùng ký kết; chỉ thị này không được trái với nhiệm vụ kế hoạch cũng như các luật lệ Nhà nước. Cần nêu rõ phải có sự thỏa thuận của cấp trên của cả hai bên để tránh trường hợp có thể bao che cho cơ sở trực thuộc tự động sửa đổi, hủy bỏ hợp đồng, gây thiệt hại cho bên kia và làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch chung.

b) Gặp thiên tai hoặc trở lực khách quan không có đủ điều kiện khắc phục nổi. Đây là những hiện tượng xuất hiện bất ngờ không lường trước được, ngoài quy luật đã được xác nhận, và bản thân mình đã đem hết khả năng cố gắng của mình và nhờ sự giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức bạn, khắc phục vẫn không có kết quả. Những hiện tượng xảy ra thường kỳ trong những thời gian nhất định của từng năm mà người ta đã dự tính trước được thì không gọi là trở lực khách quan.

6. Lỗi do xí nghiệp thứ ba gây nên.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mọi hoạt động kinh tế đều có liên quan mật thiết với nhau. Không riêng chỉ hai bên ký kết hợp đồng là có quan hệ với nhau, mà mỗi bên ký kết lại có quan hệ với nhiều cơ quan, xí nghiệp, đơn vị kinh doanh khác. Nếu việc vi phạm hợp đồng kinh tế do một xí nghiệp hay cơ quan Nhà nước thứ ba gây nên, thì bên vi phạm hợp đồng vẫn phải chịu trách nhiệm chính với bên cùng ký kết. Như vậy là để đề cao trách nhiệm trực tiếp của các đương sự, tránh cho việc xét xử của Hội đồng trọng tài khỏi mất nhiều thì giờ chờ đợi, tìm ra khâu chịu lỗi cuối cùng, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch, và làm cho việc xử lý kém tác dụng. Tuy nhiên khi xử lý, Hội đồng trọng tài cần lưu ý đến sự liên quan này để giải quyết cho thích đáng bằng cách cho mời các nhân chứng của xí nghiệp, cơ quan thứ ba đến

đề cung cấp thêm tài liệu và tình hình thực tế, rồi trên cơ sở đó Hội đồng trọng tài sẽ quyết định hình thức và mức độ xử lý.

Chỉ sau khi đã nghiên cứu chấp hành nghị quyết của Hội đồng trọng tài thì bên vi phạm hợp đồng nói trên sẽ khiếu nại xí nghiệp thứ ba đến Hội đồng trọng tài có thẩm quyền, để được đền bù lại số thiệt hại, mà thực tế, không phải do lỗi mình gây ra.

III. NGUYÊN TẮC VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Việc xử các vụ tranh chấp về từ chối ký kết và vi phạm hợp đồng đã ký kết phải hết sức nghiêm minh và thận trọng.

Nghiêm minh nghĩa là điều lệ xử lý này cần được triệt để thi hành mỗi khi có vi phạm chế độ hợp đồng. Ngay cả đối với bên bị vi phạm, nếu rõ rệt là thiếu tích cực, tương trợ đối với bên cùng ký kết, trong việc giải quyết các khó khăn nhằm thực hiện tốt hợp đồng, hoặc có hành động đồng tình với bên vi phạm thì cũng có thể bị xử lý.

Xử lý nghiêm minh phải đi đôi với thận trọng, nghĩa là có thẩm tra, nghiên cứu kỹ lưỡng, phải căn cứ vào mức độ cố gắng của mỗi bên và mức độ tương trợ hợp tác xã hội chủ nghĩa của cả hai bên, mức độ thiệt hại do việc vi phạm gây nên, và căn cứ vào số vốn lưu động của cả hai đương sự để cân nhắc quyết định mức xử phạt.

Đối với việc vi phạm hợp đồng cụ thể đã ký kết, thì đều bị phạt bằng tiền (gọi là phạt vi phạm). Tỷ lệ tiền phạt này do các ngành quy định trong điều lệ xử lý của ngành mình. Phạt vi phạm là một biện pháp quan trọng để củng cố pháp lệnh kế hoạch và kỷ luật hợp đồng. Trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nó có tác dụng kiểm tra và báo trước cho cơ quan tài vụ, kế hoạch biết những thiếu sót trong hoạt động của xí nghiệp.

Nếu việc vi phạm hợp đồng lại gây ra những thiệt hại trực tiếp và thực tế, thì bên có lỗi còn phải bồi thường bằng tiền số thiệt hại gây ra cho bên cùng ký kết. Trong trường hợp số tiền bồi thường thiệt hại thực tế ít hơn số tiền phạt vi phạm thì bên vi phạm chỉ nộp khoản tiền phạt vi phạm thôi. Nhưng nếu tiền bồi thường cao hơn tiền phạt vi phạm, thì bên có lỗi chỉ phải trả khoản tiền bồi thường thiệt hại thực tế cho bên bị vi phạm. Trường hợp thiệt hại cụ thể không tính toán được, thì do Hội đồng trọng tài ấn định mức bồi thường.

Bên vi phạm phải có trách nhiệm đem hết sức cố gắng của mình tích cực tìm mọi cách dừng để xảy ra những thiệt hại, hoặc hạn chế những thiệt hại đã xảy ra. Lúc xét xử, Hội đồng trọng tài cần xét đến vấn đề này, trên tinh thần bảo vệ lợi ích Nhà nước, để quy trách nhiệm của đôi bên cho rõ ràng và định mức bồi thường cho thích đáng.

Số tiền phạt vi phạm hoặc tiền bồi thường thiệt hại được trích ở quỹ lưu động của bên vi phạm hợp đồng, và phải hạch toán vào giá thành sản phẩm

làm ra. Cuối năm khi xét đến quỹ thưởng xí nghiệp, cơ quan có thẩm quyền của các Bộ, Tổng cục, các địa phương sẽ căn cứ vào mức độ sai lầm và tổng số tiền phạt vi phạm hợp đồng đã ký (cả phạt vi phạm và bồi thường) để quy định tỷ lệ khấu trừ ở quỹ thưởng xí nghiệp mà đơn vị đó được hưởng, nhưng không được khấu trừ quá 50% quỹ thưởng xí nghiệp. Chi tiết định tỷ lệ như sau:

— Nếu do lỗi lầm nghiêm trọng, do thiếu tinh thần trách nhiệm mà vi phạm hợp đồng, gây nhiều thiệt hại cho xí nghiệp bạn hoặc số tiền bị phạt quá lớn, vượt quá 50% quỹ thưởng xí nghiệp được trích, thì có thể khấu trừ từ 30—50% quỹ thưởng xí nghiệp.

— Nếu do lỗi lầm tương đối nghiêm trọng, hoặc số tiền bị phạt dưới 50% của quỹ thưởng xí nghiệp, thì có thể khấu trừ từ 15 đến 30% quỹ thưởng xí nghiệp.

— Các trường hợp vi phạm nhẹ hơn có thể bị khấu trừ từ 5—15% quỹ thưởng xí nghiệp. Nếu tiền phạt vi phạm hoặc bồi thường không bằng 5% quỹ thưởng xí nghiệp, thì quỹ thưởng xí nghiệp phải chịu cả mà không khấu trừ theo tỷ lệ nữa.

Biện pháp tài chính phải được áp dụng một cách thận trọng cho cả cá nhân cán bộ, công nhân có lỗi trong việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ hợp đồng đã ký kết. Chỉ trong những trường hợp rõ ràng là cá nhân cán bộ, công nhân có hành động thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc gian, dối, tái phạm nhiều lần hoặc tự ý làm những việc không có chủ trương của tập thể, xí nghiệp, cơ quan, do đó gây ra thiệt hại lớn thì lúc ấy mới bị kỷ luật về tài chính, kỷ luật này do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, xí nghiệp phạm lỗi hoặc do cấp trên của các tổ chức này quyết định.

Ngoài biện pháp tài chính còn có biện pháp hành chính áp dụng cho cả tập thể và từng cá nhân có lỗi đã ghi rõ ở đoạn b điều 15 của điều lệ xử lý.

IV. THỦ TỤC XỬ LÝ

Trước khi gửi đơn khiếu nại lên Hội đồng trọng tài có thẩm quyền, thủ trưởng hoặc đại diện của cơ quan, xí nghiệp bị thiệt hại cần trực tiếp thương lượng, bàn bạc với thủ trưởng hoặc người có thẩm quyền của cơ quan, xí nghiệp vi phạm hợp đồng, trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa để cùng nhau giải quyết trước những mắc mứu giữa hai bên và lập thành biên bản. Hai bên cần thành khẩn và khách quan nhìn rõ khuyết điểm của mình và tự nguyện tự giác chịu kỷ luật xử lý. Nếu hai bên không thống nhất thì lúc đó bên bị vi phạm mới gửi đơn khiếu nại kèm theo biên bản bất đồng ý kiến nói trên đến Hội đồng trọng tài.

Các vụ khiếu nại có liên quan đến các cơ quan, xí nghiệp thuộc nhiều Bộ, giữa trung ương và địa phương, giữa nhiều địa phương với nhau thuộc thẩm quyền Hội đồng trọng tài trung ương xử lý

thì Hội đồng trọng tài của hai bên có trách nhiệm cùng nhau họp bàn giải quyết, Hội đồng trọng tài bên có cơ quan, xí nghiệp khiếu nại chủ động triệu tập cuộc họp. Nếu hai bên cùng thỏa thuận, thì quyết định của cuộc họp có giá trị pháp lý, cả hai bên đều phải nghiêm chỉnh chấp hành, và báo cáo về Hội đồng trọng tài trung ương. Nếu không thỏa thuận được thì hai Hội đồng trọng tài phải lập biên bản, ghi rõ ý kiến của mỗi bên, những điểm chưa thống nhất và chuyển toàn bộ hồ sơ lên Hội đồng trọng tài trung ương xử lý.

Ngoài việc có đơn khiếu nại của một trong hai bên ký kết, Hội đồng trọng tài còn xử lý khi bản thân Hội đồng trọng tài phát hiện vấn đề, hoặc do Hội đồng trọng tài cấp trên chỉ thị.

Hội đồng trọng tài phải tiến hành xét xử trong vòng hai mươi ngày kể từ sau ngày nhận đơn khiếu nại. Trong từng vụ khiếu nại, nếu Hội đồng trọng tài nhận thấy, mặc dù đã tích cực hoạt động, mà không thể giải quyết được trong thời hạn quy định thì phải báo cáo lên Hội đồng trọng tài trung ương xin gia hạn, nhưng không được xin gia hạn quá hai lần, mỗi lần xin gia hạn không quá hai mươi ngày.

Như trên đã nói, bản điều lệ tạm thời quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế, có một ý nghĩa và tác dụng rất lớn trong việc tăng cường kỷ luật hợp đồng và pháp lệnh kế hoạch, và cụ thể trước mắt, đóng góp một phần tích cực vào việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1962 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Công tác xử lý còn mới và chúng ta chưa có kinh nghiệm, mặt khác, trong thực tế, chúng ta cũng còn nhiều khó khăn, do đó yêu cầu các Bộ, các Ủy ban hành chính địa phương phải hết sức quan tâm nghiên cứu chu đáo các văn bản đã ban hành, phổ biến giáo dục sâu rộng đến tận các cơ sở, và khi xử lý các Hội đồng trọng tài phải hết sức thận trọng đồng thời phải thật sự nghiêm minh, và trong quá trình thực hiện, cần báo cáo những khó khăn và kinh nghiệm về Hội đồng trọng tài trung ương để kịp thời hướng dẫn thực hiện cho có kết quả tốt.

Hà-nội, ngày 21 tháng 7 năm 1962

K.T. Chủ tịch Hội đồng trọng tài T.U.

Phó chủ tịch

VŨ NGUYỄN LƯỢNG

CHỈ THỊ số 77-TTg ngày 24-7-1962 về việc đẩy mạnh việc nghiên cứu sử dụng than gầy nhiệt luyện.

Theo báo cáo số 49-KHN-KTH của Ủy ban Khoa học Nhà nước, trong thời gian qua, các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân ngành luyện kim của ta

dưới sự chỉ đạo, giúp đỡ của Ủy ban Khoa học Nhà nước đã thí nghiệm thành công loại than gầy nhiệt luyện và đã sử dụng trong các lò đúc gang thay thế than gầy thường ở một số nơi có kết quả tốt. Vấn đề này không những sẽ giúp ta giải quyết được một phần khó khăn về nhiên liệu cho ngành đúc mà còn có tác dụng rất lớn về mặt kinh tế, kỹ thuật trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trong hoàn cảnh nước ta, trữ lượng than mỡ không nhiều, khả năng sản xuất than cốc hiện nay còn ít và giá thành lại cao, nên việc sử dụng than gầy nhiệt luyện được rộng rãi trong các lò đúc, lò cao cỡ nhỏ, lò nung phân lân và các lò luyện kim cỡ nhỏ khác sẽ giúp ta giảm được nhiều khối lượng nhập than cốc, giá thành sản phẩm sẽ hạ và không bị lệ thuộc nhiều vào tình hình nguyên liệu bên ngoài. Ngoài ra theo kết quả đã thí nghiệm ở một số nơi trong thời gian qua, những thiết bị cần thiết để sử dụng loại than gầy nhiệt luyện không đòi hỏi trình độ trang bị quá cao, vốn đầu tư không phải tốn kém nhiều, nhưng so với loại than gầy chưa nhiệt luyện thì chất lượng của than gầy nhiệt luyện có nhiều ưu điểm, giải quyết được nhiều khó khăn trong quá trình đúc.

Tuy nhiên việc sử dụng than gầy nhiệt luyện hiện nay chỉ mới bước đầu được thực hiện ở một số địa phương và một số xí nghiệp nhỏ, còn nhiều xí nghiệp và địa phương nhất là những xí nghiệp lớn vẫn chưa chú trọng nghiên cứu sử dụng, một phần là do một số nơi còn ỷ lại vào việc cung cấp than cốc để dùng, do đó đã hạn chế một phần tình hình phát triển sử dụng than gầy nhiệt luyện, ảnh hưởng không ít đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế và trình độ kỹ thuật trong sản xuất.

Để giải quyết một phần khó khăn về nhiên liệu cho ngành đúc và luyện kim hiện nay, đồng thời để giảm bớt khối lượng hàng nhập và hạ giá thành sản phẩm, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Các Bộ và các địa phương cần có biện pháp đẩy mạnh và mở rộng phạm vi sử dụng than gầy nhiệt luyện trong các lò đúc, lò cao cỡ nhỏ, lò nung phân lân, v.v... Những cơ sở đúc trước đây dùng than gầy chưa nhiệt luyện để đúc nay nên chuyển sang dùng than gầy nhiệt luyện. Những cơ sở trước đây dùng than cốc để đúc, nay cần tích cực chuẩn bị các điều kiện để chuyển sang dùng than gầy nhiệt luyện. Các lò cao cỡ nhỏ cần tích cực thí nghiệm và tìm mọi biện pháp dùng than gầy nhiệt luyện thay cho than cốc.

Các cơ sở đúc cơ khí hóa, có khó khăn trong việc dùng than gầy nhiệt luyện, cũng cần tích cực nghiên cứu để sử dụng càng sớm càng tốt và cố gắng để sang năm 1963 không dùng than cốc để đúc nữa.

2. Ủy ban Khoa học Nhà nước tiếp tục nghiên cứu nâng cao chất lượng than gầy nhiệt luyện, phối hợp với các Bộ, giúp đỡ các cơ sở đúc, các lò cao